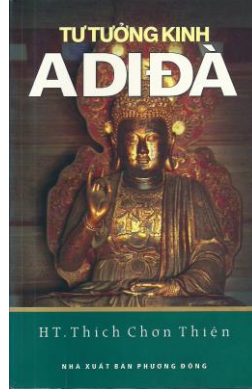


Tư Tưởng Kinh A Di Đà



HT Chơn Thiện

---o0o---

Nguồn

<http://www.budsas.org>

Chuyển sang ebook 12-12-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

CHƯƠNG I - NỘI DUNG KINH A- DI- ĐÀ

TIẾT 1 - XUẤT XỨ VÀ Ý NGHĨA DANH HIỆU A-DI-ĐÀ

TIẾT 2 - DUYÊN KHỞI KINH A-DI-ĐÀ

TIẾT 3 - CẢNH GIỚI A-DI-ĐÀ

ĐOẠN 01

ĐOẠN 02

ĐOẠN 03

ĐOẠN 04

ĐOẠN 05

TIẾT 4 - HÀNG ĐỆ TỬ ĐƯỢC ĐỨC A-DI-ĐÀ GIÁO HÓA

ĐOẠN 06

TIẾT 5 - KẾT QUẢ CỦA CON ĐƯỜNG TU TẬP DO ĐỨC A-DI-ĐÀ GIÁO HÓA

ĐOẠN 07

**TIẾT 6 - XÁC ĐỊNH SỰ THẬT GIẢI THOÁT CỦA CON ĐƯỜNG TU TẬP
GIỚI, ĐỊNH, TUỆ HAY TRÌ NIỆM A-DI-ĐÀ**

ĐOẠN 08

ĐOẠN 09

ĐOẠN 10

**TIẾT 7 - GIỚI - ĐỊNH - TUỆ HAY CON ĐƯỜNG GIÁO HÓA CỦA ĐỨC
PHẬT A-DI-ĐÀ, LÀ CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT DẪN ĐẾN GIẢI THOÁT.
CHƯƠNG II - TỔNG LUẬN VỀ KINH A-DI-ĐÀ**

Tiết 1 - KINH A-DI-ĐÀ LÀ KINH XIÊN DƯƠNG THA LỰC HAY TỰ LỰC?

Tiết 2 - CẢNH GIỚI CỰC LẠC

TIẾT 3 - GIÁO DỤC TRONG KINH A-DI-ĐÀ

TIẾT 4 - Ý NGHĨA VĨNG SINH CỰC LẠC

**TIẾT 5 - KHÍA CẠNH VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ TÂM LÝ TRONG KINH A-DI-
ĐÀ**

TIẾT 6 - KẾT LUẬN

---o0o---

LỜI TỰA

Kinh A- di- đà là bản kinh thân yêu nhất của một tu sĩ Phật giáo Bắc truyền ở miền Trung Việt Nam.

Danh hiệu của Đức Thế Tôn A-di-đà và tôn hiệu của Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tướng quân Chánh pháp, đệ tử đệ nhất trí tuệ của Đức Thế Tôn, nhập sâu và tâm thức người tu sĩ trong quãng thời gian hành Sa-di hạnh. Cảnh giới A-di-đà vì thế bỗng nhiên gần gũi với nhà chùa, hiện ra như chính cảnh chùa hiện tại, có mặt trong cả tiếng chuông chùa.

Chúng tôi đang viết về kinh A-di-đà với những tình cảm và tư duy gần gũi và hiện thực ấy.

Xin thành kính kính dâng chư Tăng và mong chờ chỉ giáo.

Mùa An cư PL. 2529-1985

Kính cẩn,

Tỷ- kheo **Thích Chơn Thiện**

---o0o---

CHƯƠNG I - NỘI DUNG KINH A- DI- ĐÀ

TIẾT 1 - XUẤT XỨ VÀ Ý NGHĨA DANH HIỆU A-DI-ĐÀ

Kinh A-di-đà (Sukhàvatì- Vyūha), dịch từ Phạn bản qua Hán bản. Bản kinh dùng ở đây là bản dịch của pháp sư Cưu-ma-la-thập đời Dao Tân, một trong *toàn tập Tịnh Độ* dịch từ năm 147 đến năm 713 Tây lịch.

Kinh A-di-đà thuộc hệ tư tưởng Đại thừa, ra đời trong thời kỳ phát triển Đại thừa Phật giáo.

Danh hiệu A-di-đà dịch ra từ tiếng Phạn Amita hay Amitabha, hoặc Amitayur, có nghĩa là Vô Lượng, Vô Lượng Quang hay Vô Lượng Thọ. Tập kinh *Quán Vô Lượng Thọ* (Amitayur-dhyana Sutra) ghi nguyên lai của giáo lý Tịnh Độ là do Đức Phật Thích-ca thuyết cho hoàng hậu Vi-đề-hi (Vidhehi), vợ của vua Tần-bà-sa-la (Bimbisàra), lúc bà bị giam cầm khi nhà vua bị hoàng tử A-xà-thế (Ajatasatru) giết để thoán ngôi. Quan điểm đó của kinh Quán Vô Lượng Thọ như muốn nói giáo lý A-di-đà cùng nguồn với giáo lý nguyên thủy, điều đó do Đức Thích Tôn thuyết.

A-di-đà được hiểu có 3 nghĩa:

- Vô Lượng Quang
- Vô Lượng Thọ
- Vô Lượng Công Đức

Nói gọn là nghĩa Vô Lượng, Danh từ Vô Lượng là biểu trưng cho thật cảnh hay thật trí vốn ở ngoài phạm trù tư duy và diễn đạt.

Vô Lượng Quang, theo thiền ý là biểu tượng của Trí Tuệ giải thoát (Phật Trí), Vô Lượng Thọ là biểu tượng của Đại Định (Tâm giải thoát), ở ngoài các vọng tưởng phân biệt và Vô Lượng Công Đức là biểu tượng của Thánh Giới Uẩn giải thoát.

Nếu chỉ định A-di-đà là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, thì tương tự với ý nghĩa biểu tượng vừa trình bày, Vô Lượng Quang là biểu tượng của Pháp thân (Dharmakàya), Vô Lượng Thọ là biểu tượng của Giải thoát thân (Vimukti-Kayayfaa).

Theo kinh *A-di-đà*, Đức Phật A-di-đà đã ra đời cách đây những mười đại kiếp, thời gian rất là lâu xa, hiện nay Ngài đang thuyết pháp và sẽ còn tiếp tục thuyết pháp tại đó cho đến một tương lai lâu xa, lâu xa nữa.

Thực sự, danh hiệu A-di-đà là danh hiệu biểu trưng cho sự tánh giác ngộ và giải thoát của chúng sinh, như danh hiệu đầy đủ là Pháp Giới Tạng Thân A-di-đà Phật (Đức A-di-đà có mặt khắp pháp giới), đã nói. Ý nghĩa này sẽ dần dần biểu lộ qua từng trang *Kinh A-di-đà*

---o0o---

TIẾT 2 - DUYÊN KHỞI KINH A-DI-ĐÀ

Tôi đã nghe như vậy:

Đức Thế Tôn một thời đã ở nước Xá-Vệ, vùng cây Kỳ-dà (Thắng lâm). Trong vườn của Cấp Cô Độc, cùng với đại chúng Tỷ-kheo gồm một nghìn hai trăm năm mươi vị, đều là các đại A-la-hán thời danh: Tôn giả Xa-lợi-phát, Tôn giả Đại-mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Đại Ca-chiên-diên, Đại Câu-hy-la, Ly-bà-đà, Châu-lợi-bàn-đà-dà, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm-ba-đề, Tân-đầu-lo-phả-la-đọa, Ca-lưu-đà-di, Đại-kiếp-tân-na, Bạc-câu-la và A-nậu-lâu-đà. Ngài trú với chư Tôn giả này và nhiều đại đệ tử, cùng với nhiều Đại Bồ-tát như Pháp vương tử Văn Thù, Bồ Tát A-dật-đa, Bàn-đà-ha-đề, Thường Tinh Tấn. Ngoài ra, có mặt vua trời Đế-thích cũng như rất nhiều chư Thiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất rằng từ quốc độ này hướng về phía Tây qua mười vạn ức quốc độ của Phật (100.000 kotis=1 tỉ quốc độ của Phật), có một thế giới tên là Cực Lạc. Thế giới ấy có Đức Phật A-di-đà hiện đang thuyết pháp.

Đây là phần duyên khởi của kinh nói lên thời điểm, nơi chốn và thành phần thính chúng vân tập nghe Thế Tôn thuyết giảng kinh *A-di-đà*. Tại đây, Thế Tôn gọi Tôn giả Xá-lợi-phất đến để giới thiệu kinh mà không do một lời thỉnh cầu thuyết giảng nào (vô vấn tự thuyết).

Đoạn này nêu rõ thính chúng bao gồm ba đối tượng:

- 1250 vị đại Tỷ-kheo, toàn là các bậc A-la-hán.
- Chư Đại Bồ-tát.
- Các vị thiên, như v.v....

Thứ tự thính chúng vân tập theo kinh đã tế nhị nói lên trọng điểm giáo lý của kinh:

- Chúng Thanh văn, A-la-hán, vân tập đều là chúng đương cơ được giáo hóa để khởi tâm cầu Vô thượng Bồ-đề.
- Chúng Bồ-tát vân tập giữa là chúng tán dương.
- Chúng thiên, như v.v...là chúng kết duyên.

Giáo lý trọng điểm là Bồ-tát giáo (Lục độ Ba-la-mật) là giáo lý Trung Đạo hay Diệu Hữu.

---o0o---

TIẾT 3 - CẢNH GIỚI A-DI-ĐÀ

ĐOẠN 01

Xá-lợi-phất, vì sao thế giới ấy gọi là Cực Lạc? Vì chúng sinh ở thế giới ấy không có các thứ khổ đau, chỉ cảm nhận an vui, nên gọi là Cực Lạc. Xá-lợi-phất, thế giới Cực Lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy hàng cây (tùng, thông) toàn bằng bốn vật liệu quý (vàng, bạc, lưu ly, pha lê) bao quanh khắp nơi. Vì vậy, thế giới ấy gọi là Cực Lạc.

Nghĩa

Giới thiệu tổng quát về cõi nước Cực Lạc của Phật A-di-đà, gọi là nước Cực Lạc do vì:

- Ở đó không có mặt tất cả các thứ khổ đau, chỉ thuần cảm nhận hạnh phúc, lạc giải thoát.
- Ở đó xứ sở gồm toàn bảy thứ báu (thất bảo).

Như chúng ta hiểu, ngôn ngữ Đại thừa phần rời xa ngôn ngữ khái niệm của con người. Nói ở nước Cực Lạc, không có mặt hết thấy khổ đau là nói ở đó chúng sinh đã đoạn diệt khổ. Khổ diệt là nghĩa Diệt đế hay Niết-bàn. Chúng sinh ở nước của Phật A-di-đà như vậy là đã hành xong Phạm hạnh của Thanh văn (hay gần xong) và đang tu tập hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chánh báo của chúng sinh Cực Lạc là (hàng Bất thối) Vô sinh và Nhất sinh bổ xứ nên cảnh giới y báo hẳn là thanh tịnh, trang nghiêm bằng bảy báu là biểu tượng cho những gì quý giá ở ngoài sinh diệt.

---o0o---

ĐOẠN 02

Xá-lợi-phát, Cực Lạc còn có hồ bảy báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não), trong hồ chứa đầy nước có tám tính chất quý (trong sạch, mát, ngọt, nhẹ, thuần, không gây họa, tiêu trừ đói khát và phát sinh thiện tâm). Đáy hồ trải cát vàng. Bốn phía chung quanh hồ bốn bậc cấp thì bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu và mã não. Hoa sen nở trong hồ thì lớn như bánh xe màu xanh với ánh xanh lộng lẫy, màu vàng với ánh vàng lộng lẫy, màu đỏ với ánh đỏ lộng lẫy, màu trắng với ánh trắng lộng lẫy, đầy hương thơm tuyệt vời. Xá-lợi-phát, thế giới Cực Lạc hình thành đẹp đẽ như thế.

a. Nghĩa đen.

Tại nước Cực Lạc có ao bảy báu với nước tám công đức, với lòng cát vàng (bằng vàng); chung quanh là những lầu đài và đường đi bằng phẳng bằng tứ bảo (vàng, bạc, lưu ly, pha lê); với hoa sen chiếu các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng có hương thơm vi diệu. (Nước tám công đức: sạch sẽ, mát mẻ, ngon ngọt, êm ả, nhẹ nhàng, gọi thuần, yên lành, trừ đói khát và phát sinh thiện tâm).

b. Nghĩa biểu tượng.

Nước Cực Lạc là nơi đoạn diệt khổ, nên chúng sinh đã và đang tiếp tục chứng đắc Thất giác chi (tượng trưng bằng bảy báu: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, kinh an, định, xả) và tám cảnh giới thiên định (Tứ thiên sắc giới và Tứ không). Tại đó, chúng sinh đã chứng tâm giải thoát hoàn toàn (biểu tượng bằng hương thơm sen vi diệu) và đang tiến dần đến trí tuệ giải thoát tối thượng (biểu tượng bằng hào quang chiếu sáng từ hoa sen).

Do vì đã chứng đắc các quả vị của con đường tu tập Phạm hạnh (Giới, Định, Tuệ) nên chúng sinh được thác sinh về Cực Lạc.

---o0o---

ĐOẠN 03

Xá-lợi-phát, thế giới Cực Lạc ấy thường trời thiên nhạc, đất có màu vàng đẹp, ngày và đêm có sáu lần mưa hoa mạn-đà-la. Chúng sinh ở thế giới Cực Lạc vào mỗi buổi sáng sớm thường hứng nhiều hoa dâng cúng một tỷ Đức Phật ở các thế giới khác. Đến giờ ăn thì trở về quốc độ của mình, dùng cơm và kinh hành. Xá-lợi-phát, nước Cực Lạc hình thành đẹp đẽ như thế.

a. Nghĩa đen

Giới thiệu ba điểm chính:

- Đất bằng vàng ròng, có thiên hoa và thiên nhạc.
- Chúng sinh dùng túi vải hứng thiên hoa cúng dường chư Phật, trở về bản độ, độ trai và kinh hành.

b. Nghĩa biểu tượng.

- Đất bằng vàng ròng là chỉ thanh tịnh, không cấu uế, gọi là Tịnh Thổ hay Tịnh Độ. Đất tịnh là ý nghĩa tâm tịnh, đã đoạn trừ các lậu hoặc.

- Thiên nhạc và thiên hoa: khi tâm thanh tịnh thì hiện an vui giải thoát; lòng đẹp như thiên hoa và vui như thiên nhạc.

- Dâng hoa cúng dường chư Phật là ý nghĩa mong cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vừa nói lên chúng sinh ở đó không thụ hưởng, chỉ hành lợi tha.

- Cúng xong thì dùng cơm và đi kinh hành: sinh hoạt như chúng Tăng ở đời. Sinh hoạt của nhân dân nước Cực Lạc biểu hiện như sinh hoạt của một Tăng đoàn lý tưởng.

---oOo---

ĐOẠN 04

Xá-lợi-phất, thế giới Cực Lạc còn các loài chim lạ đẹp, nhiều màu sắc: Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca-lăng-tần-đà, chim cộng mạng. Các loài chim ấy đêm và ngày sáu bận hót lên những âm thanh tuyệt nhã. Âm thanh ấy nói lên các pháp Ngũ căn, Ngũ Lực, Thất giác chi và Bát thánh đạo, các pháp như thế. Chúng sinh ở thế giới Cực Lạc nghe được âm thanh ấy thì đều niệm tưởng về Phật, về Pháp và về Tăng. Xá-lợi-phất, đừng nghĩ rằng các loài chim ấy do nghiệp ác mà sinh. Vì sao vậy? Vì thế giới Cực Lạc không có mặt ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Xá-lợi-phất, ở Cực Lạc các tên gọi ba đường ác cũng không có, hướng chi là sự có mặt của ba đường ác. Các loài chim ấy do Đức Phật A-di-đà hóa thân để tuyên lưu diệu pháp. Xá-lợi-phất, thế giới Cực Lạc có gió nhẹ lay động các hàng cây quý và lưới quý làm phát ra các âm thanh tuyệt diệu tựa như có trăm nghìn nhạc cụ hòa tấu; người nghe âm thanh ấy tâm tư khởi niệm tưởng đến Phật, Pháp, Tăng, Xá-lợi-phất, thế giới Cực Lạc hình thành đẹp đẽ như thế.

a. Nghĩa đen

Nước Cực Lạc có nhiều loài chim đủ sắc màu tuyệt đẹp ngày đêm hót lên những tiếng hót thanh thoát, nói lên các lời pháp thuyết giảng về Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi và Bát thánh đạo, nghĩa là thuyết giảng Đạo đế của Tứ thánh đế. Tiếng hót đã đánh thức chúng sinh nước Cực Lạc hướng niệm về giác ngộ tối thượng (niệm Phật), về ly tham ái, ly chấp thủ (niệm Pháp) và về Phạm hạnh (niệm Tăng).

Các loài chim ấy là do thần thông của Đức A-di-đà hóa thiện, mà không phải do nghiệp lực sinh, bởi ở đó đã thoát ly nghiệp địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Cực Lạc còn có gió chạm vào các cành cây báu gây nên những pháp âm đánh thức, nhắc nhở chúng sinh ở đó hướng niệm Phật, Pháp và Tăng bảo.

b. Nghĩa biểu tượng

Cảnh giới Cực Lạc là cảnh giới của những tâm thức thanh tịnh và giải thoát nên những tiếng chim hót ở đó phải là tiếng lòng giải thoát. Đó là tiếng vọng của tâm thức đã, đang và sắp chứng đắc thuần thực Ngũ căn (tín lực, tấn, niệm và tuệ lực). Bảy phần giác ngộ (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả) và Tám thánh đạo (chánh kiến... chánh định).

- Thực ra, Tứ chánh cần chỉ là phần tấn căn, tấn lực, tấn giác chi và chánh tinh tấn có trong Ngũ căn, Ngũ lực, chánh niệm và niệm giác chi...; tất cả các pháp lành trên là tiêu biểu cho Đạo đế và đang hướng đến Phật trí.

- Khi hành giả có định và tuệ thì sẽ thấy và nghe tiếng Pháp vô ngã khắp mọi nơi. Bấy giờ chim, mây, hoa, lá, núi, sông v.v... đều nói pháp. Cũng vậy, ở nước Cúc Lạc, quê hương của trí tuệ, gió chim đều tuyên giảng Đạo đế.

Đó là ý nghĩa mà *kinh A-di-đà* dạy: các loài chim kia không phải do nghiệp lực sinh, mà do đức Phật A-di-đà hóa hiện.

- Thực tại A-di-đà thường xuyên thuyết Chánh pháp nên chúng sinh ở đó có điều kiện để tăng trưởng trí tuệ, tăng trưởng khả năng ly dục và thành tựu rốt ráo Phạm hạnh (niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tăng).

---oOo---

ĐOẠN 05

Xá-lợi-phất, ý Tôn giả thế nào, vì sao Đức Phật ấy có danh hiệu A-di-đà? Xá-lợi-phất, vì Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng chiếu sáng khắp mười phương thế giới, không bị chướng ngại, nên hiệu là A-di-đà. Xá-lợi-phất, tuổi thọ của Đức Phật ấy và tuổi thọ của người trong thế giới của Ngài, là vô lượng vô số kiếp, nên hiệu Ngài là A-di-đà. Xá-lợi-phất, Đức A-di-đà đã thành Phật cách nay mười đại kiếp.

a. Nghĩa đen

Đoạn kinh này cắt nghĩa vì sao có danh hiệu A-di-đà. Do vì:

- Đức Phật ấy có hào quang vô lượng chiếu khắp mười phương mà không bị ngăn ngại.

- Đức Phật và nhân dân nước ấy sống lâu không thể nghĩ bàn.

Chú thích:

1. Theo từ điển Phạm Anh, thì một kiếp (1kalpa) là 1 thời gian dài bằng tuổi thọ của vũ trụ này, dài bằng một ngày một đêm của cõi Phạm thiên (Sơ thiên Sắc giới) bằng 4.320 triệu năm trần thế.

2. Theo ghi chú của Sa-môn Quán Nguyệt trong tập Nhị Hóa Hiệp Khải thì một đại kiếp (hay nói gọn là một kiếp) bằng bốn trung kiếp, bằng tám mươi tiểu kiếp, bằng 1.280 triệu năm trần thế.

3. A-tăng-kỳ là một số gồm số 1 và 27 con số 0 theo, số vô lượng là một số gồm 1 và 29 con số 0 ở đằng sau.

4. Tuổi thọ của trời Tha Hóa Tự Tại (Cõi thứ 6 của Dục Giới Thiên) đã dài bằng 9,2 tỷ năm trần gian (Xem Phật học khái luận, cùng soạn giả).

b. Nghĩa biểu tượng.

- Hào quang chiếu khắp mười phương thế giới hào quán duy thần lực của Thế Tôn mới có thể có. Đức Thế Tôn nào cũng có hào quang vô lượng ấy cả; đó là kết quả của trí tuệ giải thoát tối thượng. Vì vậy không thể vì có hào quang vô lượng mà được gọi là A-di-đà, hiểu như một Đức Phật lịch sử, trừ ra A-di-đà được hiểu là tự tánh giác ngộ của mỗi chúng sinh.

- Cõi vô sinh nào cũng có thọ mạng vô lượng cả, vì vậy không thể vì có thọ mạng vô lượng có gọi là A-di-đà hay cõi nước A-di-đà, trừ ra thọ mạng vô lượng là chỉ thực tướng vô tướng.

- Tại đây, A-di-đà đúng là tự tánh thanh tịnh tâm,

---o0o---

TIẾT 4 - HÀNG ĐỆ TỬ ĐƯỢC ĐỨC A-DI-ĐÀ GIÁO HÓA

ĐOẠN 06

Xá-lợi-phất, Đức A-di-đà có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn, đều là các bậc A-la-hán, không thể biết được bằng toán số. Các đệ tử là Bồ-tát cũng tương tự như thế.

Xá-lợi-phất, thế giới Cực Lạc đã hình thành đẹp đẽ như thế.

Xá-lợi-phất, chúng sinh ở trên thế giới Cực Lạc đều là các bậc Bất thối chuyển (hay Bất động)- không bao giờ trở lại, trong đó có nhiều chư vị chỉ một lần tái sinh thành Phật. Số này rất nhiều không thể bằng toán số mà hiểu được, chỉ có thể dùng con số vô lượng vô biên vô số mà nói.

a. Nghĩa đen

Đức A-di-đà có vô số lượng vô biên đệ tử A-la-hán, vô lượng vô biên đệ tử Bồ-tát Ma-ha-tát. Đó là công đức trang nghiêm của cõi ấy.

Các chúng sinh được sinh về cõi nước ấy đều là các bậc Bất thối (A-bệ-bạc-trí A-na-hàm), Vô sinh, trong số ấy rất nhiều là bậc Nhất sinh bổ xứ.

b. Nghĩa biểu tượng.

Nếu A-di-đà là tự tánh như trên đã bàn, là biểu tượng của Giới đức, Định đức và Tuệ đức, chúng sinh đến các quả vị A-na-hàm, A-di-đà-la-hán và Phật bổ xứ. Nếu chúng sinh có vô lượng vô biên, thì các quả vị Thánh kia cũng vô lượng vô biên mà kinh A-di-đà do Đức A-di-đà giáo hóa.

---o0o---

TIẾT 5 - KẾT QUẢ CỦA CON ĐƯỜNG TU TẬP DO ĐỨC A-DI-ĐÀ GIÁO HÓA

ĐOẠN 07

Xá-lợi-phất, nghe như vậy chúng sinh nên phát nguyện sinh về Cực Lạc. Vì sao vậy? Vì cùng được các bậc đại nhân như vậy chung sống một nơi. Xá-lợi-phất, nhưng không phải các việc thiện nhỏ ở đời mà có thể sinh về Cực Lạc. Xá-lợi-phất, nên có một thiện nam, thiện nữ nào nghe nói đến Đức Phật A-di-đà, trì niệm danh hiệu Ngài từ một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày hay bảy ngày mà tâm được định chuyên nhất không loạn, thì người ấy lúc lâm chung được thấy Đức Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mắt. Người ấy lúc chết tâm chánh niệm liền được sinh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Xá-lợi-phất, Thế Tôn thấy ích lợi như thế nên nói rằng: ai nghe nói như vậy thì nên phát nguyện sinh về Cực Lạc.

a. Nghĩa đen.

Chúng sinh nào nghe nói vậy về cõi nước A-di-đà thì nên phát nguyện cầu sinh về đó, bởi vì sẽ hạnh phúc sống chung với các bậc Thánh giải thoát.

Nhưng nếu trông ít căn lành, ít thiện duyên thì không thể sinh về đó được. Cần trì niệm danh hiệu A-di-đà từ một ngày cho đến bảy ngày mà được kết quả bất loạn.

Đây hẳn là hàng căn cơ có định, tuệ cao khi chết có Đức A-di-đà và Thánh chúng xuất hiện trước mắt, tâm giữ chánh niệm, chánh kiến (bất điên đảo) và liền được sinh về Cực Lạc. Thế Tôn dạy phát nguyện cầu sinh về Cực Lạc là vì lợi ích này theo ý nghĩa này.

b. Nghĩa biểu tượng.

Đoạn kinh trên xác định ý nghĩa thật là cụ thể: Thế Tôn dạy chúng sinh nên cầu nguyện sinh về nước Cực Lạc nhưng không phải là lời cầu nguyện suông, mà là cầu nguyện cụ thể bằng hành động tu tập thiền định (ý nghĩa niệm danh hiệu A-di-đà là ý nghĩa hướng tâm vào Giới, Định và Tuệ) cho đến mức độ trong bảy ngày tu tập có thể vào đại định (từ Tứ thiền sắc định cho đến Diệt thọ tưởng định). Cho đến mức độ này thì quyết định được vãng sinh. Tại đây, chúng ta không nên mơ màng chờ đợi một phép lạ của tha lực nào cứu độ ngoài “con đường”

Điều kiện vãng sinh Cực Lạc này giống hệt với kết quả tu tập Tứ niệm xứ hay Đại niệm xứ của Nikaya và A-hàm (Xem Phật học khái luận, cùng soạn giả)

Công phu trì niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà hẳn là công phu tu tập thiền định (đặc biệt thích hợp với hàng tín căn)

---o0o---

TIẾT 6 - XÁC ĐỊNH SỰ THẬT GIẢI THOÁT CỦA CON ĐƯỜNG TU TẬP GIỚI, ĐỊNH, TUỆ HAY TRÌ NIỆM A-DI-ĐÀ

ĐOẠN 08

Xá-lợi-phất, như nay Thế Tôn đang tán dương, lợi ích không thể nghĩ được của Đức Phật A-di-đà, thì ở phương Đông cũng có các Đức Phật A-súc-bệ, Tu-di Tướng, Đại Tu-di, Tu-di Quang, Diệm Âm, hằng hà sa số Thế Tôn như thế, đều ở nơi thế giới của mình dùng âm thanh ngôn ngữ của mình truyền khắp một tỷ thế giới hệ nói lên lời chân thật rằng: “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ bàn và được chư Phật giữ gìn ấy”.

a. Nghĩa đen

- Đức Thích-ca dạy: “Như nay Thế Tôn tán dương lợi ích không thể nghĩ được của Đức Phật A-di-đà”, thì mười phương chư Phật cũng đang tán thán, đang phóng đại quang minh chuyên âm thanh đến đây nói lên lời chân thật rằng: “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ bàn và được chư Phật giữ gìn ấy”.

- Đức Thích Tôn dạy Tôn giả Xá-lợi-phất “Ý Tôn giả nghĩ sao? Vì sao gọi là kinh được chư Phật giữ gìn? Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nọ nghe kinh ấy, ghi nhớ và nắm được ý kinh, cùng nghe danh hiệu chư Phật giữ gìn, tất cả các người ấy sẽ đắc vị Bất thối chuyển đối với quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên, Tôn giả và chúng sinh nên tin lời Ta và lời chư Phật nói!

- Nay Xá-lợi-phất! Nếu có người đã, đang, sẽ và phát nguyện muốn sinh về cõi Cực Lạc thì người ấy sẽ đắc quả Bất thối chuyển đời với Vô thượng chánh đẳng chánh giác, người ấy đã, đang, sẽ sinh về nước Cực Lạc kia.

b. Nghĩa biểu tượng

Thế Tôn Thích-ca và chư Thế Tôn trong mười phương thế giới đang cùng lúc tán thán công đức vô lượng của Đức Phật A-di-đà là ý nghĩa của Thế Tôn tán thán con đường mà truyền thống chư Phật trong ba đời hằng thuyết giảng trong mỗi thời pháp, vì đó là con đường độc nhất đưa đến giải thoát sinh tử.

- Về tướng lười rộng dài: Nikàya có ghi rõ đó là thần lực của Như Lai (thập lực Như Lai): mỗi lần như vậy Như Lai muốn truyền âm thanh đi xa như ý muốn, thì Như Lai phóng hào quang đi trước, âm thanh sẽ nương theo hào quang mà đến nơi Như Lai muốn âm thanh đến. Ý nghĩa là thế, chứ không phải lười hóa dài che phủ cả không gian.

- Các danh hiệu chư Phật của mười phương trong *kinh A-di-đà* đều là những biểu tượng của Giới, Định và Tuệ. Đại để:

*** Đông phương**

- A-súc-bệ (Bất Động): biểu tượng của người quyết tâm giải thoát.
- Tu-di Tướng: biểu tượng của Định,
- Đại Tu-di: biểu tượng của Định
- Tu-di-Quang: biểu tượng của Tuệ phát sinh từ Giới và Định.
- Diệu Âm: tiếng nói thật pháp.

Xá-lợi-phất, các thế giới ở Phương Nam cũng có Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng, Danh Văn Quang, Đại Diệm Kiên, Tu-di Đăng, Vô Lượng Tinh Tấn, hằng hà sa số chư Phật như thế đang ở thế giới của mình dùng âm thanh ngôn ngữ của mình truyền khắp một tỷ thế giới (cõi Ta-bà) nói lên lời chân thật rằng: “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ bàn và được chư Phật giữ gìn ấy”

Nghĩa biểu tượng

*** Nam phương**

- Nhật Nguyệt Đăng : biểu tượng của Đại chủng trí (Nguyệt), Nhất thế trí (Nhật) và Nhất thế chủng trí (Đăng).
- Danh Văn Quang: biểu tượng của Tuệ có mặt từ nói nghe (văn và tư) Chánh pháp.
- Đại Diệm Kiên: Tuệ có mặt từ Định.
- Tu-di Đăng: Tuệ có mặt từ Giới.
- Tinh Tấn: nhờ tinh tấn mà có Tuệ, mà thành tựu giác ngộ.

Xá-lợi-phát, các thế giới ở Phương Tây cũng có Đức Phật Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Tướng, Vô Lượng Tràng, Đại Quang, Đại Minh, Bảo Tướng, Tịnh Quang, hằng hà sa đùng âm thanh ngôn ngữ của mình truyền khắp một tỷ thế giới (cõi Ta-bà) nói lên lời chân thật rằng: “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ bàn và đợc chư Phật giữ gìn ấy”

Nghĩa biểu tượng

*** Tây Phương**

- Vô Lượng Tràng: chánh pháp hiện khắp.
- Vô Lượng Thọ: biểu tượng của Định đức.
- Vô Lượng Tướng: biểu tượng của Giới đức.
- Đại Quang, Đại Minh: thể và dụng của Tuệ.
- Bảo tướng: phước báo (hay báo thân) của Tuệ giải thoát.

Xá-lợi-phát, các thế giới ở Phương Bắc cũng có Đức Phật Diệm Kiên, Tới Thắng Âm, Nan Trở, Nhật Sinh, Vông Minh, hằng hà sa số chư Phật như thế đang ở thế giới của mình dùng âm thanh ngôn ngữ của mình truyền khắp một tỷ thế giới (cõi Ta-bà) nói lên lời chân thật rằng: “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ bàn và đợc chư Phật gìn giữ ấy”.

Nghĩa biểu tượng

*** Bắc phương.**

- Diệm Kiên: (tương tự Đại Diệm Kiên).
- Tới Thắng Âm: tiếng nói giác ngộ, tiếng nói thật Pháp.
- Nan Trờ: Tuệ viên mãn, vô sinh.
- Nhật Sinh: Tuệ nuôi dưỡng giác ngộ cho chúng sinh như mặt trời nuôi dưỡng động thực vật.
- Vông minh: Tuệ giác chiếu khắp.

Xá-lợi-phát, các thế giới ở phương Dưới cũng có Đức Phật Sư Tử, Danh Văn, Danh Quang, Đạt-ma, Pháp Tràng, Trì Pháp, hằng hà sa số chư Phật như thế đang ở thế giới của mình dùng âm thanh ngôn ngữ của mình truyền khắp một tỷ thế giới (cõi Ta-bà) nói lên lời chân thật rằng : “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ và bàn đợc chư Phật giữ gìn ấy”.

Nghĩa biểu tượng

*** Hạ Phương**

- Sư Tử Âm: tiếng nói xiên dương thật Pháp thức tỉnh chúng sinh khiến chúng sinh run khiếp.
- Danh Văn, Danh Quang, Đạt-ma : tuyên thuyết rõ diệu pháp.
- Pháp Tràng: nêu cao Chánh pháp để loại bỏ tà pháp.
- Trì pháp: thâm hiểu Chánh pháp.

Xá-lợi-phất, các thế giới của phương Trên cũng có Đức Phật Phạm Âm, Tú Vương, Hương Thượng, Hương Quang, Đại Diệm Kiên, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Ta-la Thọ Vương, Bảo Hoa Đức, Kiệt Nhất Thiết Nghĩa, Nhu Tu-di Sơn, hằng hà sa số chư Phật như thế đang ở thế giới của mình dùng âm thanh ngôn ngữ của mình truyền khắp một tỷ thế giới (cõi Ta-bà) nói lên lời chân thật rằng: “Các chúng sinh nên tin tưởng vào bản kinh tán dương các sự không thể nghĩ bàn và được chư Phật gìn giữ ấy”.

Nghĩa biểu tượng

*** Thượng phương**

- Phạm Âm: tiếng nói thanh tịnh chuyển đi xa đến vô lượng thế giới.
- Tú Vương: tuệ sáng chói hơn các đại tinh tú.
- Hương Thượng: hương Giới đức cao quý.
- Hương Quang: hương Tuệ đức cao quý.
- Đại Diệm Kiên: hương Định đức.
- Bảo Hoa Nghiêm Thân: Tuệ giải thoát tối thượng.
- Ta-la Thọ Vương: đoạn tận khô, hoàn toàn vô sinh (như cây Ta-la bị chặt đứt không bao giờ sống lại).
- Bảo Hoa Đức: giải thoát tri kiến.
- Kiệt Nhất Thiết Nghĩa: tứ vô ngại giải.
- Tu-di Sơn (đã bàn).

---o0o---

ĐOẠN 09

Xá-lợi-phất, Tôn giả nghĩ sao? Vì sao kinh này được gọi là kinh được chư Phật gìn giữ? Xá-lợi-phất, nếu có thiện nam thiện nữ nào nghe được kinh này mà nhớ hiểu, cùng nghe danh hiệu của Phật, thì thiện nam thiện nữ ấy sẽ được chư Phật gìn giữ, đối với tuệ giác vô thượng sẽ không thoái chuyển. Cho nên, Xá-lợi-phất, các người nên tin nhận lời nói của Ta và của chư Thế Tôn.

a.Nghĩa đen

- Thế Tôn dạy Tôn giả Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất, ý Tôn giả nghĩ sao? Vì sao gọi là kinh được chư Phật gìn giữ?”

- Thế Tôn lại dạy: Nếu ai nghe kinh A-di-đà ghi nhớ và hiểu nghĩa và nghe danh hiệu chư Phật giữ gìn, sẽ đắc Bất thối chuyển. Vì vậy, Xá-lợi-phất và chúng sinh nên tin lời Ta và chư Phật nói.

b. Nghĩa biểu tượng

Ý nghĩa chư Phật hộ niệm kinh A-di-đà là hộ niệm người học hiểu và nghi nhớ nghĩa lý kinh A-di-đà. Do hiểu nghĩa kinh dạy và nương tựa vào nỗ lực giải thoát của mình. Do tinh cần tu tập Giới, Định và Tuệ mà khả năng giải thoát và trí tuệ giải thoát hiển hiện. Đây chính là ý nghĩa cứu độ của Đức Phật A-di-đà. Tha lực cứu độ chính là con đường Giới, Định, Tuệ và chư Phật hằng tuyên giảng.

Đúng như lời Tổ dạy trong *Tỳ-ni nhật dụng thiết yếu*.

“ Sáu khẩu liên tâm tịnh

Vấn thủy bách hoa hương

Tam nghiệp hằng thanh tịnh

Đồng Phật vãng Tây phương”

Nếu không tự tu cho thanh tịnh thân, khẩu, ý, thì lấy cái tâm nào để vãng sinh Tịnh Độ?

---o0o---

ĐOẠN 10

“Xá-lợi-phất, nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, mong sinh về thế giới của Đức Phật A-di-đà, thì người ấy đối với Tuệ Giác vô thượng sẽ bất thối chuyển, đối với thế giới ấy thì hoặc đã sinh, đang sinh, hay sẽ sinh về. Cho nên, này Xá-lợi-phất, nếu ai có lòng tin thì nên phát nguyện sinh về thế giới ấy”.

a. Nghĩa đen.

Thế Tôn dạy: “Này Xá-lợi-phất! Nếu có người đã, đang, sẽ phát tâm mong cầu về nước Cực Lạc, thì người ấy sẽ đắc quả Bất thối chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng, chánh giác, người ấy và đã, đang, và sẽ sinh về nước Cực Lạc”.

b. Nghĩa biểu tượng.

Như các đoạn trước đã nói, phát tâm mong cầu về Cực Lạc thì thực hành thiền định, hoặc trì niệm danh hiệu A-di-đà đến nhất tâm bất loạn. Hẳn là sẽ dẫn đến kết quả tất nhiên là A-na-hàm, A-la-hán hay Nhất sinh sanh bồ xứ. Kết quả đó là sự bảo đảm vãng sinh về Cực Lạc. Thực sự, đây là ý nghĩa đi vào tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Thời gian tu tập để giải thoát thì phụ thuộc công phu Định, Tuệ của mọi người.

---o0o---

TIẾT 7 - GIỚI - ĐỊNH - TUỆ HAY CON ĐƯỜNG GIÁO HÓA CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ, LÀ CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT DẪN ĐẾN GIẢI THOÁT.

ĐOẠN 11

Xá-lợi-phất, như nay Thế Tôn đang tán dương những sự không thể nghĩ bàn của chư Phật, thì chư Phật ấy cũng đang tán dương những sự không thể nghĩ bàn

của Thế Tôn (Ta) mà nói lên rằng: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có thể làm các việc hiểm có và khó làm, có thể thành tựu tuệ giác tối thượng trong cõi Ta-bà khó bảo với năm thứ ô nhiễm: thời kỳ ô nhiễm, hiểu biết ô nhiễm, dục vọng ô nhiễm, chúng sinh ô nhiễm và đời sống ô nhiễm và có thể về chúng sinh nói pháp mà cả thế giới khó tin.

Xá-lợi-phất, Tôn giả nên biết Thế Tôn đang ở trong cõi đời khó bảo và đầy năm thứ ô nhiễm mà làm được việc khó làm này: thành tựu tuệ giác vô thượng và vì hết thảy cõi đời mà nói lên pháp khó tin này, điều đó thật khó làm”.

Khi Thế Tôn nói xong kinh này, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với các vị Tỷ-kheo, các vị trời, người, a-tu-la trong toàn thế giới nghe điều Thế Tôn dạy đều hoan hỷ tin nhận, đánh lễ mà lui về.

a. Nghĩa đen.

- Thế Tôn dạy: “Nhu Ta nay đã đang xưng tán công đức bất khả tư nghị của chư Phật, thì chư Phật cũng đang xưng tán công đức bất khả tư nghị của chư Phật đều nói lên rằng “Phật Thích-ca Mâu-ni có thể làm được việc thật khó làm, ở trong thời kỳ đủ năm thứ ô nhiễm mà có thể giác ngộ Vô thượng chánh đẳng chánh giác vì chúng sinh giảng nói diệu pháp khó tin”. Nay Xá-lợi-phất! Nên biết trong giai đoạn này, đầy năm thứ ô nhiễm của cuộc đời Ta đã làm việc khó làm này, đã đắc Vô thượng giác và giới thiệu pháp giải thoát khó tin nhận. Quả là việc thậm khó!.

- Kết thúc kinh: chư Tăng, trời, người... hoan hỷ và phân khởi vâng giữ các lời dạy của Thế Tôn. Tất cả đánh lễ mà lui.

b. Nghĩa biểu tượng.

Chúng sinh đời nay vốn trí tuệ yếu, lại đa tham, đa sân nên nhận rõ Vô ngã pháp là điều thậm khó, từ bỏ lòng tham ái và cố chấp là một điều thậm thậm khó nữa. Việc khó như thế mà Đức Thích Tôn thực hiện: ra đời, xuất gia, thành đạo và thuyết giảng độ sinh hầy giúp chúng sinh giác ngộ xây dựng vương quốc trí tuệ của mình. Đức Thích Tôn tán thán chư Phật trong mười phương cùng ý nghĩa tương tự. Tán thán chư Thế Tôn là tán thành trí tuệ giải thoát tuyệt vời và tán thành con đường Giới, Định, Tuệ tuyệt vời, sinh tử. Đồng thời, xác nhận cái khó nằm về phía giải thoát. Do đó, cần hiểu rằng: không thực sự có con đường giải thoát mà chỉ có con đường trừ khổ đau, không thực sự có pháp đức đến giải thoát, mà chỉ có pháp đoạn trừ tham, sân, si. Khi cái khó ở chúng sinh bị loại ra rồi, thì trí tuệ giải thoát và cảnh giới Cực Lạc tự hiện.

---o0o---

CHƯƠNG II - TỔNG LUẬN VỀ KINH A-DI-ĐÀ

Tiết 1 - KINH A-DI-ĐÀ LÀ KINH XIÊN DƯƠNG THA LỰC HAY TỰ LỰC?

Một số người đinh ninh rằng *kinh A-di-đà*, thuộc tông Tịnh Độ, đề cao tha lực, đã truyền bá niềm tin ấy thành tín ngưỡng A-di-đà, chủ trương không phải học hỏi giáo lý, không phải thực hành thiền định, cả đến giới luật cũng ít quan tâm. Cứ niệm suông danh hiệu Ngài không kể số lượng bao nhiêu và chờ Ngài tiếp dẫn.

Thật là một tin tưởng thiếu căn cứ: có giáo lý giải thoát nào của Phật giáo mà không xây dựng căn bản trên tự lực? *Kinh A-di-đà* tiếp nối truyền thống của giáo lý nguyên thủy với

tinh thần tu tập nền tảng: “Hãy là hòn đảo, là nơi nương tựa của chính mình, ai khác có thể là nơi nương tựa?” đã nhấn mạnh : **“Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sinh bỉ quốc” và “Cực Lạc quốc độ chúng sinh sanh giả A-bệ-bạt-trí...”**

Giáo lý A-di-đà ấy lại giảng dạy cho chúng đương cơ là hàng Thanh văn đệ tử (hàng Vô Học) chúng chơn thiện... chỉ là chúng kết duyên, lẽ nào lại chỉ giản dị niệm suông danh hiệu Ngài và cầu nguyện suông mà có thể vãng sinh Cực Lạc?

Đức Thích Tôn và chư Phật gọi là giáo lý A-di-đà là **“nan tín chi pháp”**, khó tin và khó hành, thì làm sao lại có thể truyền đạt giáo lý ấy cho những căn cơ thiếu Giới, thiếu Định và thiếu Tuệ?

Cảnh giới A-di-đà không có các thứ khổ, chỉ thuần lạc giải thoát, nghĩa là ở đó dành cho các chúng sinh đã ly dục, ly thủ sinh về, thì còn có chỗ nào dành để cho chúng ta, những người đang mang nặng tham, sân, si?

Đức A-di-đà cũng chỉ xuất hiện vào lúc lâm chung, trước những ai có khả năng thiện định, chỉ tu tập trong vòng bảy ngày đi đến nhất tâm bất loạn để tiếp dẫn. Chúng ta có được xếp vào khả năng thiện định ấy chưa? Chùng ấy vấn đề vừa nêu đủ cho chúng ta nhận thức rằng giáo lý A-di-đà là giáo lý đức độ, tự giác. *Kinh A-di-đà* chỉ xác nhận khả năng tu tập nào sẽ được vãng sinh Cực Lạc sau khi chết, mà không đảm bảo tiếp dẫn những chỉ niệm suông danh hiệu A-di-đà.

Đức Phật A-di-đà chỉ giáo hóa những chúng sinh nào tu đến vị Bất thối chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác hầu mở đường dạy đạo giải thoát cho chúng sanh.

Chỉ có con đường giải thoát Giới, Định, Tuệ cứu khổ sinh tử và chỉ cứu khổ những ai nỗ lực tu hành Phạm hạnh, tu tập trí tuệ và từ bi. Chúng ta không thể chờ đợi một tha lực nào khác giải thoát khổ đau sinh tử do chính tham, sân, si của chúng ta đưa đến. Ai khác, ngoài chúng ta?

Tuy thế, năng lực hỗ trợ lúc nào cũng có mặt ở thế giới tương duyên này. Sự tập trung niệm tôn hiệu A-di-đà sẽ đạt được một số lợi ích đáng kể như là:

- Nhiếp được tháo động của ba nghiệp thân, khẩu, ý.
- Nhiếp được các phiền não tức thời hàng ngày.
- Tín tâm mạnh, qua công phu niệm Phật, tâm hành giả sẽ đi đến hân hoan; từ hân hoan đi đến hỷ, kinh an, định; định sẽ dẫn khởi đến Trí kiến như thật "ly tham" giải thoát "trí kiến giải thoát (tương tự lời đức Phật dạy ở Tương ưng II, tr.37, bản dịch của HT. Thích Minh Châu). Tha lực là có ý nghĩa như thế.

---o0o---

Tiết 2 - CẢNH GIỚI CỰC LẠC

1. Xứ sở

Để con người có thể khái niệm được về một cảnh giới ngoài kinh nghiệm của con người, thì cách duy nhất để diễn đạt cảnh giới sáu là biến cảnh giới ấy thành một quốc độ với sự kiến thiết các ao, hồ, có cây cảnh, nhà cửa, đường đi như cõi đời.

Để giúp con người có thể hình dung được cái lộng lẫy, đẹp đẽ, hạnh phúc của cảnh giới kia, thì cách duy nhất là diễn đạt cảnh giới kia cấu trúc bằng thất bảo.

Đó là cách mà *kinh A-di-đà* đã giới thiệu về cảnh giới Cực Lạc.

Sự diễn đạt trên có hai tác dụng:

- Giúp con người tương đối có thể có một khái niệm về một cảnh giới giải thoát vốn đã hoàn toàn rời xa tất cả khổ đau sinh tử, đã đi vào nguồn an lạc hạnh phúc.
- Gọi lên nơi tâm thức con người lòng ham thích cảnh giới Cực Lạc đó để phát khởi mạnh tâm tu tập Giới, Định, Tuệ. Chủ yếu là điểm này.

Thực sự cõi Cực Lạc có phải là một xứ sở không, khi ở đó chúng sinh đã giác ngộ vô ngã? Khi tâm thức đã không cảm nhận, không chấp thủ ngã tướng?

2. Chúng sinh và ngôn ngữ Cực Lạc.

Kinh A-di-đà không đề cập đến chúng sinh ở Cực Lạc có hình thù như thế nào. Nhưng, các chúng sinh ấy tất cả đều đã, đang và sẽ nhập Niết-bàn Vô dư y thì hẳn là không còn mang thân sắc ngũ uẩn như chúng ta. Chúng sinh ở đó đi cúng thiên hoa mỗi sáng, thì hẳn là sử dụng chiếc thân rất vi tế của thần lực (hay thần thông). Ở đó có 8 nước công đức là tám thiên định, thì hẳn không phải phạm thực (dùng cơm) mà là thiên duyệt thực (vì thiên duyệt thực nên không có nạn đại tiểu tiện).

Ở đó sống lâu vô lượng vô biên thời gian (vô lượng thọ), lâu như chính thọ mạng của Như Lai thì hẳn thân chúng sinh là pháp thân, mà không thể là chiếc thân hữu vi. Do vì có thân đặc biệt như thế nên ngôn ngữ cũng đặc thù. Tiếng hót của cá loài chim đã là pháp âm vi diệu xiển dương Đạo đế và tiếng gió reo đã là pháp âm, thì chúng sinh ta có thể hình dung ra ngôn ngữ của chúng sinh Cực Lạc chính là tự thân của cảnh giới đó, hay chính là thực cảnh, thực tướng (bởi vì tất cả đều là ngôn ngữ của Phật pháp).

Dù không thể hình dung ra thân tướng và ngôn ngữ của chúng sinh nước Cực Lạc, nhưng chúng ta có thể xác nhận theo *kinh A-di-đà* rằng: tất cả chúng sinh ở đó đều là Thánh Bất Lai, Thánh Vô Học và các Đại Bồ-tát. Những bậc Thánh này tùy theo khả năng và hạnh nguyện thường ứng hiện vô số thân. Vì hiện vô lượng thân tướng nên không thực sự có một thân tướng nào cố định, nên không có một ngôn ngữ nào cố định (hay nói vô lượng ngôn ngữ khác nhau). Vì có thể nói vô lượng ngôn ngữ nên có thể nghe hiểu vô lượng âm thanh của chim hót, của gió reo là một.

3. Cảnh giới A-di-đà là một cảnh giới tu hành Phạm hạnh lý tưởng, kiến tạo có gốc từ kinh nguyên thủy Phật giáo.

- Một cảnh giới, theo *kinh A-di-đà*, chỉ hiện hữu các bậc Thánh và Đại Thánh với ngôn ngữ diệu âm, vắng bóng tất cả tội khổ, thì rõ đây là cảnh giới mộng ước, lý tưởng của người xuất gia. Phương chi, chư Tổ đã chọn *kinh A-di-đà* đặt vào một thời công phu chính mỗi ngày của nhà chùa.

- Lúc chiều xuống, thì nhà chùa lại cất cao lời *kinh A-di-đà*, như thể gọi về lòng mình một thế giới đầy sức sống của Giới, Định, Tuệ đầy thiên hoa và đầy thiên nhạc.

- Nhiều kinh thuộc Nikàya và tạng A-hàm đề cập đến Ngũ Bất Hoàn thiên của cõi Tứ Thiên Sắc Giới. Cảnh giới này là nơi thác sinh của các Thánh Bất Lai sau khi tịch có thể nhập Niết bàn trên đường tới Ngũ Bất Hoàn thiên; có thể nhập Niết-bàn vào một thời

điểm nào tại Ngũ Bát Hoàn thiên, chậm nhất là nhập Vô dư y Niết-bàn vào cuối đời thọ mệnh tại đó.

Thọ mệnh của chư thiên Ngũ Bát Hoàn cũng lâu dài vô lượng vô biên. Cứ thử tính một ngày một đêm ở cõi Sơ Thiên Sắc Giới là đã dài bằng tuổi thọ của vũ trụ trước mắt chúng ta (bằng 4320 triệu năm). Tuổi thọ của cõi Sơ Thiên đã không thể tính hết bằng thời gian trần thế, huống nữa là thọ mệnh tại cõi trời Tứ Thiên.

Theo đó, cõi trời Ngũ Bát Hoàn có nhiều điểm chính giống hệt với cõi Cực Lạc, như:

- Về thọ mạng
- Về chúng sinh (toàn là các bậc thánh).
- Về pháp tu tại đó tiếp tục thành tựu, viên mãn Đạo để chứng ngộ Diệt đế. Do đó chúng ta có thể đi đến kết luận: việc xây dựng cảnh giới Cực Lạc của *kinh A-di-đà* (là kinh ra đời sau Nikàya và A-hàm) có gốc từ kinh tạng nguyên thủy Phật giáo.

Một điểm đáng chú ý khác là, *kinh A-di-đà* không quá làm nổi bật hình ảnh của chư Bồ-tát tương tự như chính Nikàya. Tứ thánh đế vẫn là giáo lý trọng tâm mà Đức Phật A-di-đà đem ra giáo hóa chúng Thánh tại đó.

4. Cõi Cực Lạc ở nhân gian (nhân gian Tịnh Độ)

Cõi Cực Lạc trên là cõi nước lý tưởng của các bậc Thánh thể hiện ước mơ của người đời, của chúng sinh trong sinh tử đầy ô trược, khổ đau. Như những câu chuyện thần tiên ở đời, người bình dân vất vả sau một ngày làm lụng khó nhọc, lại đọc hay kể lên các mẫu chuyện thần tiên mở ra các cảnh giới thần tiên tưởng tượng hầu nẹp mình một chốc trong thế giới dễ chịu đó để quên đi những mệt mỏi, chán nản. Cũng vậy, cõi nước A-di-đà đã mở ra cho những tâm hồn ước mơ hạnh phúc của thanh tịnh và giải thoát để nuôi dưỡng và mở rộng hy vọng, niềm tin và sức sống.

- Mặt khác, nếu hiểu cảnh giới A-di-đà là cảnh giới của tâm thức, thì hạnh phúc của chúng sinh Cực Lạc có thể tìm thấy ngay ở đời.

- Với một tâm hồn hiền thiện, có chính kiến trí tuệ thấy vô ngã tướng của các pháp thì tâm thức sẽ đón nhận ngay trong hiện tại những nguồn cảm thọ thanh thoát của hỷ lạc. Người ấy nghe như đời này có nhạc và hoa, thấy và nghe vô ngã, vô thường khắp mọi nơi, ý thức rõ ràng chỉ có các hiện tượng mệnh danh là khổ đau và ngay cả hiện tượng gọi là khổ đau thì cũng chỉ là một nhóm nhân duyên và không có khổ đau thật.

Vì thấy, nghe rõ vô thường, vô ngã, người ấy khởi tâm niệm tưởng Phật, Pháp, tăng. Với tâm hồn ấy, cõi Cực Lạc có mặt ở trần gian.

- Có quan niệm mệnh danh là tích cực, xem cõi nước Cực Lạc được diễn đạt ở *kinh A-di-đà* với bốn mươi tám lời nguyện của Phật A-di-đà như một mô hình để kiến thiết xây dựng một cõi nhân gian nhuộm đầy sắc thái Cực Lạc, dù phải trải qua một thời gian lâu dài, thời gian để chờ đợi hội tụ cộng nghiệp “Tịnh Độ”.

Trong cõi này, được hiểu một cách rất là cụ thể, con người (nhân nhân) sống có nhiều kiến thức và trí tuệ (ý nghĩa của niệm Phật), sống hỷ xả, nặng vì hạnh phúc của tha nhân, tập thể, định tĩnh, sáng suốt (niệm Pháp) và sống có kỷ luật, trật tự, thành thật, hòa hợp và ngay thẳng (niệm tăng). Về mặt xã hội, dưới sự soi sáng của trí tuệ, con người vận

dụng sáng tạo vào mặt khoa học – kỹ thuật để xây dựng một cõi nước vật chất tiện nghi và hạnh phúc, đại để như xây dựng các mặt:

- Xây dựng văn hóa, văn minh cao, xã hội không có trộm cắp, giặc giã, ác độc (lời nguyện A-di-đà của Phật: không có ba đường dữ).

- Con người khỏe mạnh, vui tươi, đẹp đẽ (lời nguyện số 3: nhân dân đều có sắc vàng).

- Sống thiện, an lạc và hạnh phúc (lời nguyện số 4: không có ranh giới khu biệt giữa trời và người).

- Nhân dân biết tự giác để hướng thượng, học hỏi kinh nghiệm để hướng thượng (lời nguyện số 5: nhân dân có túc mệnh thông).

- Có phát sinh nhiều máy móc tinh vi có thể thu nhiếp hình ảnh từ những hành tinh xa xôi và có thể chuyển đi bất cứ nơi đâu trong nhân dân (lời nguyện số 6: nhân dân có thiên nhãn thông).

- Nhân dân sống thành thật, có lý tưởng phục vụ tập thể rõ ràng (lời nguyện số 7: có tha tâm trí).

- Có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, thuận lợi và hiện đại (lời nguyện số 8: bay đi tự tại).

- Có các máy móc ghi âm và truyền âm tốt, thiện xảo (lời nguyện số 9: nhân dân có thiên nhĩ thông – có thể nghe xa như ý muốn).

- Nhân dân học hỏi nhiều, có kiến thức rộng ... (lời nguyện số 15 và 19: có biện tài vô ngại, hiểu xa).

- Tất cả có học hiểu và hành đạo giải thoát của Giới, Định, Tuệ (lời nguyện số 28: tất cả thấy cây Bồ đề).

- Xứ sở sạch sẽ, vệ sinh, trật tự, thẩm mỹ (lời nguyện số 31 và 32: đất bằng phẳng, trong suốt như gương, đầy hương thơm).

- Ăn mặc sung mãn (lời nguyện số 38: y phục tự nhiên có).

- Có hạnh phúc, có sáng tạo và trí tuệ phát triển vô hạn (lời nguyện số 44 và 48).

Về tư tưởng kiến thiết nhân gian Tịnh Độ này, *Tiểu phẩm* và *Đại phẩm Bát-nhã* có ghi các lời nguyện tương tự như trên và có ghi cụ thể hơn về một số điều nguyện khác như:

- Nhân dân không có phân biệt bốn giai cấp (nguyện 12).

- Nhân dân trong nước không có nạn đại tiểu tiện (nguyện 19). Nghĩa là có nhiều nhà vệ sinh rất tiện nghi và hiện đại ở khắp nơi tư gia và ở các nơi công cộng.

- Trong nước không có ai mắc bệnh tật (nguyện số 2) (nghĩa là ăn ở vệ sinh và tổ chức y tế tốt).

Qua các lời nguyện kiến thiết nước Tịnh Độ vừa nêu trên, tổng quát chúng ta có thể hình dung ra một xã hội con người với một số nét chính như:

- Có một hệ thống giáo dục tốt.

- Có một hệ thống tổ chức xã hội tốt, giao thông vận tải, thông tin tốt.

- Có một nền kinh tế rất phồn vinh.
- Ngành y tế rất tiên bộ và được tổ chức quy mô.
- Tất cả học hỏi và sống với thái độ rất nhân bản, nhân đạo, đầy từ bi và trí tuệ.

Xã hội khoa học-kỹ thuật hiện đại của các nước tiên tiến đã có thể thực hiện được cơ sở vật chất của nước “Tịnh Độ nhân gian” đó, nhưng về mặt tâm hồn thì chưa. Nếu biết tu tập và loại trừ tham, sân, si (là những động cơ của tranh chấp, xung đột và chiến tranh), biết loại trừ tham, sân, si (là những động cơ của tranh chấp, xung đột và chiến tranh), biết loại trừ tâm vị kỷ, biết sống vì hạnh phúc của nhân dân, của tất cả, thì có thể từ thế kỷ 21 trở đi, con người có thể thực hiện xã hội hạnh phúc, an lạc ấy. Thay đổi (cải tiến) đời sống vật chất thì không khó, nhưng cải tiến đời sống tâm thức, trí tuệ thì nghìn lần khó hơn. Nếu con người sống là chọn lựa hướng đi lên, thì dù khó khăn thế nào cũng không thể từ bỏ hướng đi vào cõi nước “Tịnh Độ nhân gian” ấy. Hoặc chọn lựa con đường sự hủy diệt do hạch tâm, hoặc chọn lựa con đường sống trí tuệ và từ bi. Đó là vấn đề của thời gian và lịch sử.

---o0o---

TIẾT 3 - GIÁO DỤC TRONG KINH A-DI-ĐÀ

Giáo lý và pháp hành được *kinh A-di-đà* trình bày một cách thoang thoảng nhẹ nhàng.

1. Nói về pháp tính vô ngã, hay tính tương dung tương nhiếp, hoặc tính “một là tất cả, tất cả là một”, thì kinh diễn đạt thoảng qua mấy nét:

- Mười phương chư Phật đồng xung tán Đức A-di-đà và Đức Thích-ca một lúc, đồng chuyên âm thanh đến cõi đời như là tiếng nói xảy ra trước mắt, không bị ngăn ngại bởi các tướng thời gian và không gian.
- Gió, chim và cây cối đồng nói diệu pháp để nhắc nhở giải thoát (nói lên tính vô ngã và tính bình đẳng).

2. Dẫn về Đạo đế

Kinh giới thiệu Đức Thế Tôn A-di-đà đã gián tiếp truyền qua tiếng chim hót vừa vui vẻ, vừa nhẹ nhàng, vừa đầy tính văn học nghệ thuật, vừa rất là “tâm lý giáo dục” (không có ai thật sự dạy ai, mỗi người tự lắng nghe cuộc đời mà học hỏi, mà sống). Giáo lý Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh đạo chỉ được đề cập thoảng qua đủ nhắc nhở chúng sinh quay về sau vào tự tánh Phật, tự tánh Pháp và tự tánh tạng của mình.

3. Về Bồ Tát Đạo

Kinh A-di-đà không nhấn mạnh cụ thể về Bồ-tát hạnh như nhiều kinh Đại thừa khác, ở đây chỉ điểm vài nét đơn sơ như là:

- Thính chúng vân tập (nghe kinh) có mặt chư Đại Bồ-tát.
- Chúng sinh thực hiện hạnh bố thí (cúng dường mỗi ngày) hướng về mười phương chư Phật để cầu Phật trí.
- Người và cảnh vật đều không do nghiệp lực sinh, đều bình đẳng nói Pháp.
- Thánh chúng hàng sẵn sàng tiếp đón chúng sinh về cõi Cực Lạc, những chúng sinh.

Nào có tâm và tuệ giải thoát bán phần (hạnh cứu độ tiếp dẫn).

- Hạnh Bồ-tát, cứu độ chúng sinh không ngừng nghỉ biểu hiện qua chư Phật của mười phương.

Tại đây, hạnh tu giải thoát và giúp chúng sinh giải thoát chi và một. Chư vị Thánh “Nhất sinh bồ xứ” ở thế giới Cực Lạc cũng nhiều vô số, đã đang và sẽ đi vào sinh tử để giáo hóa chúng sinh. Khi phần tu tập giải thoát tự thân để có đủ khả năng và điều kiện cứu độ đã ổn, thì việc cứu độ tiếp theo tự nhiên. Huống nữa, các pháp (như chim, gió, cây cối v.v...) tự thân đã nói pháp, đã hành “Pháp thí Ba-la-mật” (vô phân biệt, vô chấp thủ) thì tự thân chúng sinh cũng đang làm như thế.

---o0o---

TIẾT 4 - Ý NGHĨA VÃNG SINH CỰC LẠC

Có một số quan niệm đương thời giản dị cho rằng: cứ tin tưởng có thế giới tha lực của Phật A-di-đà mà niệm danh hiệu Ngài và cầu nguyện thì sẽ được Ngài cứu về Cực Lạc. Quan niệm này thật không ổn, đã biến Đức Phật A-di-đà thành một đấng có quyền thưởng phạt.

Nội dung của trì niệm danh hiệu A-di-đà và cầu nguyện vãng sinh về Cực Lạc đã bị hiểu nhầm to.

Trì niệm, theo *kinh A-di-đà*, không phải xưng tên Ngài một cách suông, mà là nhiếp niệm, nhiếp tâm vào Giới, Định, Tuệ để hàng phục ngay tại đây, trên cuộc đời này các vọng tưởng, vọng niệm của mình cho đến mức độ “nhất tâm bất loạn”

Cầu nguyện ở đây không phải là bạch suông với Phật rằng con thiết tha mong Ngài cứu độ về nước Cực Lạc của Ngài, mà nội dung của cầu nguyện là hành Giới, Định và Tuệ (nói gọn là hành niệm định Phật giáo) để loại trừ tham, sân, si cho đến mức độ tâm thức bất thoái chuyển đối với mục đích giác ngộ giải thoát khổ đau hoàn toàn.

Niệm như thế và cầu như thế là sửa soạn điều kiện để vãng sinh Cực Lạc, sau khi chết. Vãng sinh ở đây là công việc tự lực hoàn toàn, cảnh giới A-di-đà và Đức Phật A-di-đà hiện ra như là một hấp lực ở đằng trước mặt có tác dụng, tác động và làm phấn khích chúng ta đi tới.

Nếu cảnh giới A-di-đà được hiểu là cảnh giới tâm thức của mỗi chúng sinh, thì vãng sinh Cực Lạc có nghĩa là ra khỏi các tâm lý tác nhân gây ra phiền não khổ đau, vãng sinh là đi về với thiện tâm và giải thoát tâm, về vương quốc trí tuệ của mình. Đức Thích Tôn, Đức A-di-đà và chư Thế Tôn là những đấng giác ngộ chỉ đường, chỉ làm công việc “chỉ đường” cho chúng sinh. Đi là công việc của chúng ta. Chúng ta phải đi bằng đôi chân tâm thức của mình, mà không đi với đôi chân của người khác. Và đi về Tịnh Độ Cực Lạc là đi về với tâm lý vô tham, vô sân, vô si, là đi ra khỏi tham, sân, si.

Ý nghĩa vãng sinh Cực Lạc trong *kinh A-di-đà* là thế.

---o0o---

TIẾT 5 - KHÍA CẠNH VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ TÂM LÝ TRONG KINH A-DI-ĐÀ

1. Khía cạnh văn hóa

Văn hóa là toàn thể hình thức sinh hoạt của một tập thể loài người thế nào để thích ứng với thiên nhiên và để tồn tại có ý nghĩa rất người và rất hạnh phúc. Văn hóa với nghĩa

rộng rãi này bao gồm đủ các hình thái sinh hoạt của xã hội: văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội v.v...

Nói gọn và cụ thể hơn, con người sinh ra là để hạnh phúc, tất cả các hình thức sinh hoạt của xã hội là nhằm đem lại hạnh phúc cho con người, do đó, văn hóa là nhằm phục vụ mục tiêu hạnh phúc của con người. Để đi đến mục tiêu hạnh phúc ấy, văn hóa có sứ mệnh làm giảm nhẹ dần khổ đau cho đến khi khổ đau biến mất.

Cảnh giới của Đức phật A-di-đà là cảnh giới được xây dựng lên ở đỉnh cao nhất của văn hóa, làm vắng bóng hẳn các thứ khổ đau: “vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc”. *Nói khác đi, văn hóa A-di-đà là nền văn hóa lý tưởng của nhân loại.* Ở đó rất an ninh và thanh bình (vấn đề an ninh và quốc phòng không còn là gánh nặng); ở đó có đời sống y thực sung mãn (không có các vấn đề kinh tế khó khăn); ở đó không có tật bệnh, dân chúng khỏe đẹp và sống lâu (vấn đề y tế rất bảo đảm, rất tốt đẹp, an toàn); ở đó tất cả dân chúng đều thoải mái cả thân lẫn tâm, đều sống hiền thiện và chánh hạnh (rất đạo đức, không có các vấn đề xã hội cần giải quyết); ở đó dân trí cao, thông minh, trí tuệ (vấn đề giáo dục rất lý tưởng) ở đó có trời đất đều đơm hoa thơm và trời diệu nhạc (vấn đề mỹ thuật, văn nghệ rất cao); ở đó có trí tuệ, tín ngưỡng rất trí tuệ và rất trong sáng (vấn đề tín ngưỡng); và sau cùng, ở đó thế giới có một hòa điệu tuyệt vời giữa con người và con người, con người và thiên nhiên. Ai có thể bảo rằng đó không phải là nền văn hóa của con người rất người và rất tốt đẹp.

Nhưng bằng cách nào để thực hiện nền văn hóa đó trên trái đất?

Con đường thực hiện nền văn hóa A-di-đà là con đường sống Đạo để, thực hiện dần dần một trong các pháp của ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nói gọn hơn, *con đường thực hiện nền văn hóa mới là bát thánh đạo xây dựng đủ các yêu cầu văn hóa (nghĩa hẹp), âm nhạc, thẩm mỹ, giáo dục, đạo đức, kinh tế, y tế, xã hội và an ninh trong một nhịp nhàng hòa điệu.* Tất cả được xây dựng trong một tương quan duyên khởi (thuộc chánh kiến) không phiến diện cục bộ, tất cả tồn tại và phát triển đồng bộ trong tương quan mật thiết và vững vàng như là có bảy lớp lan can, bảy hàng cây báu và bảy lớp lưới xung quanh xứ sở Cực Lạc.

Hẳn là nền văn hóa A-di-đà ấy đã để lại cho chúng ta những trầm tư cần thiết để xây dựng thiết thực xã hội con người nổi bật sắc thái của tình thương và trí tuệ.

2. Khía cạnh xã hội

Như đã trình bày ở tiết 2, chương này, về mô hình thiết lập cảnh Cực Lạc ở nhân gian, vấn đề xây dựng một xã hội thịnh vượng về kinh tế, phát triển về giáo dục đem thanh bình cho cuộc sống và tổ chức tiện nghi cho cuộc sống là vấn đề xã hội lớn (xã hội theo nghĩa rộng).

Giáo dục nhân dân sống hiền thiện, đạo đức và chánh nghiệp để loại bỏ được các tệ nạn xã hội như: tử đồ tương, cướp bóc, tà hạnh, tham ô v.v... là ổn định được nhiều vấn đề xã hội (nghĩa hẹp) mà hiện tại nhiều xứ sở đang quan tâm.

Giáo dục nhân dân có kiến thức tốt về các ngành chuyên môn về âm nhạc, thẩm mỹ, y tế, khoa học để phục vụ các mục tiêu xây dựng và kiến thiết xứ sở về mặt vật chất. Giáo dục nhân dân về lòng từ bi, vị tha và chánh kiến sẽ xóa bỏ được các nạn kì thị chủng tộc, kì thị giai cấp và kì thị phái tính, thực hiện được tình đồng bào thắm thiết và tinh thần đoàn kết dân tộc và nhân loại. Tất cả các điều đó có bao hàm trong bốn mươi tám lời nguyện

của Đức Phật A-di-đà. Đặc biệt, bốn mươi tám lời nguyện kia thiết lập nên một xã hội rất công bằng, tạo được cơ hội và điều kiện sống đồng đều cho mọi người dân.

Đây là một vấn đề xã hội lớn cần được con người đặc biệt quan tâm suy nghĩ và thể hiện.

3. Khía cạnh tâm lý

Khía cạnh tâm lý biểu hiện qua kinh Đại thừa là một hình thái vận dụng tinh thần khế cơ của kinh. Thính chúng nghe *kinh A-di-đà* bao gồm ba đối tượng chính:

- Chúng Đại Bồ-tát là chúng tán dương, không đặt thành vấn đề khế cơ ở đây.
- Chúng Thanh văn là đối tượng nghe kinh chính, nên nội dung của thời thuyết giảng nhắm vào đối tượng nghe này.
- Đặc biệt đối với con người ... (là chúng kết duyên) kinh phải chọn hình thức diễn đạt thế nào để họ có thể tiếp thu giáo hạnh của Thanh văn, khởi lên tín tâm và quyết định tu tậ. Đây chính là vấn đề khế hợp với tâm lý của con người: khế hợp tâm tham ái, chấp thủ, và ý chí yếu kém.

a. Nếu diễn đạt thắng cõi nước Cực Lạc là cõi nước của tịch tịnh, vô ngã, vô dục, thì con người khó tiếp thu về mặt nhận thức và khó chấp nhận về mặt tình cảm. Họ khó có thể hình dung và chấp nhận một cảnh giới mà không giống gì với cuộc đời này. Do vậy, kinh đã vẽ nên nước Cực Lạc có đầy đủ cây cối, chim chóc, nhà cửa, đường sá, ao hồ, hoa lá, v.v... Nếu giả thiết con người vì một nhân duyên mà được sinh về đó, họ sẽ cảm thấy gần gũi, thân ái dễ chấp nhận. Huống nữa, cảnh giới Cực Lạc toàn bằng bảy chất liệu quý báu, là chính cuộc đời này được nâng lên cấp độ đẹp đẽ, toàn hảo nhất và vui vẻ, an lạc nhất, hẳn là khơi dậy được nơi họ lòng ham thích mong sinh về đó, nhất là khi trước mắt họ cuộc đời đang hiện ra bất toàn, bất tịnh, bất an và đầy khổ đau.

Nỗi ám ảnh lớn nhất của con người là tai nạn, bệnh tật và khổ đau và ước mơ lớn nhất của con người là hạnh phúc mãi mãi. *Kinh A-di-đà* đã xóa sạch hết khổ đau ở cõi Cực Lạc và treo cao hình ảnh thuần lạc thú hạnh phúc ở đó khiến con người càng rộn rã mong về.

Càng ước mơ càng Cực Lạc, con người càng lo đọc tụng *kinh A-di-đà*, trì niệm danh hiệu Ngài và cầu nguyện vãng sinh. Dần dần họ tìm hiểu nghĩa lý, bấy giờ là thời điểm họ có thể tiếp thu giáo lý Tứ đế và nỗ lực thực sự tu tập để mong cầu được kết quả của nhất tâm bất loạn ngay hiện tại. Cho đến khi họ vào được định, họ tương đối có đủ định và tuệ để thấy rõ điều kiện vãng sinh Cực Lạc rằng: không phải vào được tứ thiên Sắc định là có thể vãng sinh Cực lạc, mà tại đó họ cần thực hành thiền quán cho đến khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đắc A-na-hàm quả thì mới hội đủ nhân duyên để vãng sinh. Từ khi phát tâm tụng đọc *kinh A-di-đà* và trì niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà cho đến khi trừ xong năm hạ phần kiết sử là quá trình tu tập kết duyên để vãng sinh Cực Lạc.

b. Nếu ở đời tu tập đến A-na-hàm quả thì đương nhiên vãng sinh Cực Lạc, tại sao Thế Tôn lại dạy khuyên nên phát nguyện vãng sinh Cực Lạc?

Phát nguyện ấy đem lại nhiều lợi ích cho người tu như là:

* *Lợi ích thứ nhất*: phát nguyện là hình thức nuôi dưỡng ý chí giải thoát, nuôi dưỡng quyết tâm tu tập cho đến chỗ nhất tâm bất loạn, hay đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

* *Lợi ích thứ hai*: Thế Tôn mở ra cánh cửa Cực Lạc như một hóa thành để hành giả đỡ mệt mỏi, chán nản về con đường đến Nhất Thiết Trí quá xa xôi. Cảnh giới Cực Lạc như là một trạm dừng nghỉ đầy hạnh phúc và lý thú trước khi đi tiếp chặng đường thứ 2 từ A-na-hàm đến Nhất Thiết Trí, mà thời gian đi tiếp có thể kéo dài cả hàng tỉ năm ở cõi đời. Khoảng thời gian dài đằng đằng ấy chỉ gây ảnh hưởng mệt mỏi đến những người sơ cơ và yếu kém trí tuệ, mà không gây dao động tâm lý ở những bậc vốn đã và sắp đoạn tận ái thủ.

Điểm tâm lý trên thích hợp với *hàng tín căn*, hỗ trợ được hàng tín căn. Với hàng định căn và tuệ căn thì điểm tâm lý ấy không có tác dụng.

Với *hàng định căn*, thì lại thực hiện thiên định, cho đến nhất tâm bất loạn, nhiên hậu hành thiên quán để đoạn diệt năm hạ phần kiết sử.

Với *hàng định căn*, thì rõ ngay cần đoạn trừ năm hạ phần kiết sử trước khi về Cực Lạc, hay Ngũ Bất Hoàn thiên. Có bậc tuệ căn chỉ hành thiên quán (không có định) mà vẫn trừ được năm hạ phần kiết sử - hạng này hiếm có. Hầu hết các bậc tuệ căn khác cần phải trải qua tứ thiên, hay ít nhất là sơ thiên, Nhị thiên hoặc tam thiên.

Với định lực này thì việc hành thiên quán để đoạn trừ các kiết sử mới có hiệu quả.

Các hình thức giới thiệu giáo lý để thích ứng với các loại tâm lý khác nhau trên là những hình thức vận dụng tinh thần phương tiện thiện xảo của Đại thừa.

---oOo---

TIẾT 6 - KẾT LUẬN

Có những điểm giáo lý trọng tâm của các bộ phái Phật giáo chúng ta cần nắm vững khi đi vào tìm một kinh là:

- Giáo lý Phật giáo có sứ mệnh chính là chỉ rõ những khổ đau, nguyên nhân khổ đau của cuộc đời và con đường tu tập dẫn đến Niết-bàn, trí tuệ giải thoát.

- Với giáo lý nam truyền của Thượng tọa Bộ và Nhất thiết Hữu Bộ thì đích giải thoát nhắm đến là quả vị A-la-hán, giải thoát thân (Vimutikaya).

Nhưng với giáo lý Bắc truyền của giáo lý phát triển, thì nhắm đến đích giải thoát sau cùng là Phật trí hay Nhất thế trí. Con đường giải thoát vẫn là Đạo đế (trong tứ thánh đế) đi kèm với hạnh độ tha, với mong cầu Phật trí. Dù đi theo ngõ đường Bồ-tát hạnh, hành giả cũng nghiêng nặng phân tự tu cho đến Bát địa Bồ-tát – quả vị trừ hết tập khí chấp thủ ngã và pháp. Chỉ có Bồ-tát Cửu địa và Thập địa mới tích cực dẫn thân vào sinh tử để độ sinh.

Kinh A-di-đà không đi ra khỏi nội dung của giáo lý Bắc truyền. Tuy nhiên, mỗi kinh lại có một sứ mệnh phương tiện giáo hóa đặc biệt cho một đối tượng nào đó và nhắm đến một đối tượng nào đó của giải thoát. *Kinh A-di-đà* thì nói rõ sứ mệnh của kinh giáo hóa con người từ khi chưa phát tâm, hay mới phát tâm, đến quả vị Bất thối chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tại nước Cực Lạc, sau khi vãng sinh về, chúng sinh sẽ tiếp tục nhận sự giáo hóa của Đức Phật A-di-đà cho đến khi đạt nhất thế trí.

Nếu nghiên cứu trên bốn mươi tám lời nguyện của Đức A-di-đà thì chúng ta thấy rõ bốn mươi tám lời nguyện ấy tương phản với cảnh khổ cuộc đời. Nước Cực Lạc là cõi nước thành tựu bốn mươi tám lời nguyện, là thực hiện giấc mơ hạnh phúc và giải thoát cho đời,

một giấc mơ cho tập thể nhân loại cần có thời gian lâu dài để thực hiện. Con đường thực hiện xã hội bình đẳng và giải thoát ấy là giới, Định và Tuệ. Căn bản là công trình kiến tạo xã hội đó là a-di-đà thiện tâm và giải thoát tâm. Từ thiện tâm và giải thoát tâm phát khởi các hành nghiệp thiện và giải thoát; từ thiện nghiệp và giải thoát nghiệp, cảnh giới mơ ước trên được hình thành. *Kinh A-di-đà* như vậy đã quan tâm đến vấn đề giải thoát của mỗi chúng sinh như giáo lý truyền thống đã nêu ra; vừa rất quan tâm đến nục tiêu và văn hóa loài người hướng đến, mỗi quan tâm mang đầy tính văn hóa và tính xã hội. Trước mắt, kinh này đã trở nên một nguồn hứng khởi lớn cho các nhà tôn giáo và xã hội đương thời suy ngẫm và hành động Tương lai của cõi Cực Lạc được định đoạt ngay chính tại trần gian này, được xây dựng ngay tại trần gian này.

Kinh A-di-đà nói với chúng ta điều đó, chứ không phải chỉ để cầu nguyện cho người chết được vãng sinh, cũng không cổ động ai từ bỏ cuộc đời này ra đi.

Tụng đọc *kinh A-di-đà* là để nghe rõ tiếng nói ấy vậy.

---o0o---

HẾT